

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1292/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Mai Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Văn Chính

2/ Ông Dương Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Duyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 860/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 329/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 262/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Huỳnh Thanh N, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: 34/5D MH, xã TC, huyện HM, Tp. Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Tiến D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: 93/1B MH 1, xã TC, huyện HM, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Huỳnh Thanh N trình bày:

Bà N và ông Huỳnh Tiến D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 23/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc. Vào năm 2014, giữa vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông D sử dụng ma túy, tái nghiện nhiều lần, không chăm lo cho gia đình. Bà N đã nhiều lần nói chuyện với chồng, cho chồng nhiều cơ hội sửa đổi nhưng ông D vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn. Trước đây, bà đã khởi kiện ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, nhờ Tòa hòa giải nên bà đã rút đơn cho ông D thêm cơ hội nhưng ông D vẫn không thay đổi. Bà và ông D ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nay bà N nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống riêng nên bà N yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với Huỳnh Tiến D.

- Về con chung: Bà N và ông D có 01 con chung tên Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 21/5/2008. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Bị đơn ông Huỳnh Tiến D vắng mặt, không cung cấp lời khai, không đưa ra ý kiến, yêu cầu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải và thời hạn gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát, tổng Đ đầy đủ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, những người tham gia tố tụng chấp hành đúng và đầy đủ quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Huỳnh Thanh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Toà án đã triệu tập, tổng Đ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Huỳnh Thanh N và ông Huỳnh Tiến D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 66, Quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn cấp ngày 23/4/2008 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông D là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà N: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông D không cung cấp lời khai, không giao nộp chứng cứ, không đưa ra ý kiến, yêu cầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bà N để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo như lời khai của bà N thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2014 do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông D sử dụng ma túy, tái nghiện nhiều lần, không chăm lo cho gia đình. Bà N đã nhiều lần nói chuyện với chồng, cho chồng nhiều cơ hội sửa đổi nhưng ông D vẫn không thể khắc phục được những mâu thuẫn. Vợ chồng hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, bà N và bà D sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng ít liên hệ với nhau, mỗi người đều sống cuộc sống riêng của mình. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải nhưng ông D vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa, chứng tỏ ông D không có thiện chí hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với bà N. Hiện nay, bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông D. Từ đó, Hội đồng

xét xử nhận định hôn nhân của bà N và ông D đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xét thấy yêu cầu ly hôn của bà N cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà N và ông D có 01 con chung tên Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 21/5/2008. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Đ và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận định: cháu Tiến Đ hiện đang sống với bà N; yêu cầu của bà N phù hợp với nguyện vọng của cháu Tiến Đ cũng như phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Ông D không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với ông D cho đến khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà N phải chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lê Huỳnh Thanh N được ly hôn với ông Huỳnh Tiến Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Tiến Đ, sinh ngày 21/5/2008 cho bà Lê Huỳnh Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông D cho đến khi có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà người trực tiếp nuôi dưỡng cùng các thành viên gia đình không được cản trở. Ngược lại, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có lý do chính đáng, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự tự khai không có nên Hội đồng xét xử

không xem xét.

4. Về án phí: Bà N phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai số AA/2021/0039768 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quỳnh Mai Trinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Quỳnh Mai Trinh